

THÔNG BÁO
Về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân
xã Hà Bắc, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Ủy ban bầu cử xã Hà Bắc thông báo về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Hà Bắc nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, gồm:

a) Đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Hà Bắc nhiệm kỳ 2026-2031 (theo mẫu số 05/HĐBC-HĐND);

b) Sơ yếu lý lịch của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Hà Bắc nhiệm kỳ 2026-2031 (theo mẫu số 06/HĐBC-HĐND), có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú;

c) Tiểu sử tóm tắt của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Hà Bắc nhiệm kỳ 2026-2031 (theo mẫu số 07/HĐBC-HĐND);

d) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Hà Bắc nhiệm kỳ 2026-2031 (theo mẫu số 09/HĐBC);

đ) Bộ hồ sơ ứng cử của người ứng cử kèm theo **02 ảnh chân dung màu, nền trắng, cỡ 4cm x 6cm** (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt),

2. Người ứng cử thực hiện việc kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung theo hướng dẫn trong các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo Thông báo này. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy¹, nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản thuộc hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

3. Ảnh của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ứng cử. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng

¹ Các mẫu thuộc hồ sơ ứng cử được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã.

cử phải được **dán đúng vị trí** quy định và được **đóng dấu giáp lai** của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.

4. Số lượng hồ sơ ứng cử

Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Hà Bắc nhiệm kỳ 2026 - 2031 nộp **01 bộ** hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử xã Hà Bắc.

5. Thời hạn nhận hồ sơ

Thời gian nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, **bắt đầu từ ngày 15/12/2025 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 01/02/2026.**

Riêng thứ Bảy, ngày 31/01/2026 và Chủ nhật, ngày 01/02/2026, Ủy ban bầu cử xã cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

6. Địa điểm nộp hồ sơ

Tại Phòng Văn hóa - Xã hội, cơ quan thường trực của Ủy ban bầu cử xã.

Địa chỉ: Trụ sở Đảng Ủy - UBND xã Hà Bắc (*thôn Nam, xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng*).

7. Cán bộ chuyên môn phụ trách nhận hồ sơ:

- Đ/c Nguyễn Thị Huyền - Chuyên viên Phòng Văn hoá - Xã Hội
(SĐT: 0916.766.889)
- Đ/c Nguyễn Thị Hoa - Chuyên viên Phòng Văn hoá - Xã Hội
(SĐT: 037.9617.122)

Ủy ban bầu cử xã thông báo để các tổ chức và cá nhân biết, nộp hồ sơ, trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, vui lòng liên hệ số điện thoại để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- UBBC thành phố;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Thành viên UBBC xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trung tâm DVSN công (đưa tin);
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, UBBC.



Phạm Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÀ BẮC
NHIỆM KỲ 2026-2031

Kính gửi: Ủy ban bầu cử xã Hà Bắc

1. Họ và tên thường dùng: ⁽²⁾
2. Họ và tên khai sinh: ⁽³⁾
Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Giới tính:
5. Quốc tịch: ⁽⁴⁾
6. Nơi đăng ký khai sinh: ⁽⁵⁾
7. Quê quán: ⁽⁶⁾
8. Nơi đăng ký thường trú: ⁽⁷⁾
Nơi ở hiện nay: ⁽⁸⁾
9. Số Căn cước: ⁽⁹⁾
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
10. Dân tộc: ⁽¹⁰⁾ 11. Tôn giáo: ⁽¹¹⁾
12. Trình độ:
 - Giáo dục phổ thông: ⁽¹²⁾
 - Chuyên môn, nghiệp vụ: ⁽¹³⁾
 - Học vị: ⁽¹⁴⁾ Học hàm: ⁽¹⁵⁾
 - Lý luận chính trị: ⁽¹⁶⁾
 - Ngoại ngữ: ⁽¹⁷⁾
13. Nghề nghiệp hiện nay: ⁽¹⁸⁾
14. Chức vụ ⁽¹⁹⁾:
 - Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác:
 - Chức vụ trong Đảng, đoàn thể:

15. Nơi công tác: ⁽²⁰⁾

16. Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:..... Số điện thoại nhà riêng:

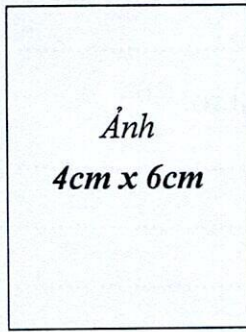
Số điện thoại di động:.....E-mail:.....

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1)..... nhiệm kỳ 2026-2031.

..... , ngày... tháng ...năm

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÀ BẮC
NHIỆM KỲ 2026-2031**

1. Họ và tên thường dùng: ⁽²⁾

2. Họ và tên khai sinh: ⁽³⁾

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):

3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Giới tính:

5. Quốc tịch: ⁽⁴⁾

6. Nơi đăng ký khai sinh: ⁽⁵⁾

7. Quê quán: ⁽⁶⁾

8. Nơi đăng ký thường trú: ⁽⁷⁾

Nơi ở hiện nay: ⁽⁸⁾

9. Số Căn cước: ⁽⁹⁾

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

10. Dân tộc: ⁽¹⁰⁾ 11. Tôn giáo: ⁽¹¹⁾

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: ⁽¹²⁾

- Chuyên môn, nghiệp vụ: ⁽¹³⁾

- Học vị: ⁽¹⁴⁾ Học hàm: ⁽¹⁵⁾

- Lý luận chính trị: ⁽¹⁶⁾

- Ngoại ngữ: ⁽¹⁷⁾

13. Nghề nghiệp hiện nay: ⁽¹⁸⁾

Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:

- Ngạch: Mã ngạch:

- Bậc lương (nếu có): Hệ số lương: Ngày hưởng:

- Phụ cấp chức vụ (nếu có):
14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: ⁽¹⁹⁾
15. Nơi công tác: ⁽²⁰⁾
16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ: ⁽²¹⁾
- Ngày vào Đảng:...../...../.....
- Ngày chính thức:...../...../.....; Số thẻ đảng viên:
- Chức vụ trong Đảng:.....
- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):
- Lý do ra khỏi Đảng:
17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: ⁽²²⁾
- Tên tổ chức đoàn thể:.....
- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:
18. Tình trạng sức khỏe: ⁽²³⁾
19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: ⁽²⁴⁾
-
20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): ⁽²⁵⁾
-
21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):
22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):nhiệm kỳ
-
-

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm.....	
đến tháng.....năm.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)

24. Họ và tên cha:..... Sinh ngày..... tháng..... năm.....
+ Quê quán:
+ Nơi ở hiện nay:
+ Nghề nghiệp, chức vụ:
+ Nơi công tác:.....
+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):
+ Thái độ chính trị
25. Họ và tên mẹ:..... Sinh ngày..... tháng..... năm.....
+ Quê quán:
+ Nơi ở hiện nay:
+ Nghề nghiệp, chức vụ:
+ Nơi công tác:.....
+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):
+ Thái độ chính trị
26. Họ và tên vợ (chồng):.....Sinh ngày..... tháng.....năm.....
+ Quê quán:
+ Nơi ở hiện nay:
+ Nghề nghiệp, chức vụ:
+ Nơi công tác:.....
+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):
+ Thái độ chính trị
27. Họ và tên con thứ nhất:..... Sinh ngày..... tháng.....năm
+ Nơi ở hiện nay:
+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):
+ Nơi công tác/học tập:
+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):
+ Thái độ chính trị
28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.
29. Anh/Chị/Em ruột: (nếu có)..... Sinh ngày..... tháng.....năm
+ Nơi ở hiện nay:
+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):
+ Nơi công tác/học tập:
+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

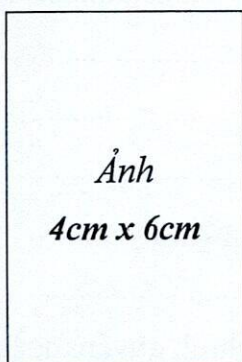
+ Thái độ chính trị

Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, , ngày..... tháng..... năm
đơn vị nơi công tác hoặc Ủy ban
nhân dân cấp xã nơi cư trú

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)



**TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÀ BẮC
NHIỆM KỲ 2026-2031**

1. Họ và tên thường dùng: ⁽²⁾
2. Họ và tên khai sinh: ⁽³⁾
Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh: 4. Giới tính:
5. Quốc tịch: ⁽⁴⁾
6. Nơi đăng ký khai sinh: ⁽⁵⁾
7. Quê quán: ⁽⁶⁾
8. Nơi đăng ký thường trú: ⁽⁷⁾
Nơi ở hiện nay: ⁽⁸⁾
9. Số Căn cước: ⁽⁹⁾
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
10. Dân tộc: ⁽¹⁰⁾ 11. Tôn giáo: ⁽¹¹⁾
12. Trình độ:
 - Giáo dục phổ thông: ⁽¹²⁾
 - Chuyên môn, nghiệp vụ: ⁽¹³⁾
 - Học vị: ⁽¹⁴⁾ Học hàm: ⁽¹⁵⁾
 - Lý luận chính trị: ⁽¹⁶⁾
 - Ngoại ngữ: ⁽¹⁷⁾
13. Nghề nghiệp hiện nay: ⁽¹⁸⁾
14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: ⁽¹⁹⁾
15. Nơi công tác: ⁽²⁰⁾
16. Ngày vào Đảng: ⁽²¹⁾/...../.....
 - Ngày chính thức:/...../.....; Số thẻ đảng viên
 - Chức vụ trong Đảng:
 - Ngày ra khỏi Đảng (nếu có):

Lý do ra khỏi Đảng:.....

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: ⁽²²⁾

- Tên tổ chức đoàn thể:.....

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:

18. Tình trạng sức khỏe: ⁽²³⁾

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: ⁽²⁴⁾

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
⁽²⁵⁾

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....nhiệm kỳ

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm.....	
đến tháng... năm.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

....., ngày..... tháng..... năm

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ngày..... tháng..... năm.....)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi đăng ký hộ khẩu:.....
- Nơi thường trú:.....
- Số căn cước ⁽³⁾:ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi đăng ký hộ khẩu:.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước: ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi đăng ký hộ khẩu:.....
- Nơi thường trú:
- Số căn cước: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:.....

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.
9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:
- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:
- Tổng thu nhập của người kê khai:.....
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):.....
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....
- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu người ứng cử kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			

2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
--	--	--	--

Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày....tháng....năm....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

....., ngày....tháng....năm....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)